

Bản án số: 12/2021/HSST  
Ngày 05 tháng 3 năm 2021

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LẠNG GIANG**

**Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Văn Sang

*Các hội thẩm nhân dân:* Ông Ngô Thanh Xuân, ông Nguyễn Quang Vinh

*Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa:* ông Đỗ Ngọc Tĩnh - Cán bộ Tòa án nhân dân huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang.

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lạng Giang tham gia phiên tòa:*  
Ông Trần Văn Mạnh - Kiểm sát viên.

Trong ngày 05 tháng 3 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 15/2021/HSST ngày 05 tháng 02 năm 2021 theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 12/2021/HSST-QĐ ngày 22 tháng 02 năm 2021 đối với bị cáo:

**\* Họ và tên: Bùi Thị T.** Tên gọi khác: Không. Giới tính: Nữ. Sinh năm 1981.

- Nơi đăng ký HKTT và chỗ ở hiện nay: tổ 56, cụm 9, phường P, quận T, thành phố H.

- Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: tự do; Trình độ học vấn: 12/12.

- Họ và tên bố: B, sinh năm 1953; họ và tên mẹ: BT, sinh năm 1956.

- Gia đình có 03 chị, em, bản thân là thứ nhất.

- Họ và tên chồng:

+ Chu BP, sinh năm 1975 (đã ly hôn).

+ Nguyễn V, sinh năm 1977; hiện ở tổ 56, cụm 9, phường P, quận T, thành phố H.

- Bị cáo có 03 con, con lớn nhất sinh năm 2004, con nhỏ sinh năm 2012.

- Tiền án, tiền sự: Không có.

- Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 22/10/2020 đến ngày 14/12/2020 được thay thế biện pháp bảo lãnh. Bị cáo Bùi Thị T có mặt tại phiên tòa.

**\* Người bị hại:**

1. Anh Thân Văn Tiến, sinh năm 1976 (có mặt)

Địa chỉ: thôn Giếng, xã Tiên Lục, huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang

2. Anh Trần Văn Quý, sinh năm 1979 (có mặt)

Địa chỉ: thôn Giếng, xã Tiên Lục, huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang

3. Ông Trần Văn Hồi, sinh năm 1954 (có mặt)

Địa chỉ: thôn Giữa, xã Tiên Lục, huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang

4. Anh Lê Văn Tường, sinh năm 1976 (có mặt)

Địa chỉ: thôn Giếng, xã Tiên Lục, huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang

5. Anh Lê Văn Nhân, sinh năm 1975 (có mặt)

Địa chỉ: thôn Giếng, xã Tiên Lục, huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang

6. Ông Nguyễn Văn Phải, sinh năm 1945 (có mặt)

Địa chỉ: thôn Cầu Gổ, xã Tiên Lục, huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang

**\* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

1. Anh Nguyễn Đình Hiến, sinh năm 1977 (có mặt)

Địa chỉ: thôn Giếng, xã Tiên Lục, huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang

2. Anh Nguyễn V, sinh năm 1977 (có mặt)

Địa chỉ: tổ 56, cụm 9, phường P, quận T, thành phố H

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:*

Nguyễn Đình Hiến, sinh năm 1977 trú tại thôn Giếng, xã Tiên Lục, huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang và Bùi Thị T, sinh năm 1981 trú tại tổ 56, cụm 9, phường P, quận T, thành phố H quen biết nhau từ trước do cùng quê ở Lạng Giang. Sáng ngày 09/01/2020, sau khi biết tin anh nuôi là Thân Văn Bắc, sinh năm 1971 cùng 05 người khác (gồm: Lê Văn Thi, sinh năm 1967; Hoàng Viết Luận, sinh năm 1986; Lê Văn Bích, sinh năm 1970; Trần Văn Ký, sinh năm 1982 và Lê Văn Tàn, sinh năm 1982 cùng ở xã Tiên Lục, huyện Lạng Giang) bị Công an huyện Lạng Giang bắt quả tang về hành vi đánh bạc vào tối ngày 08/01/2020 thì anh Hiến nghĩ đến T làm kinh doanh ở H quen biết nhiều người, có khả năng giúp chạy án cho Bắc và 05 đối tượng trên nên đã gọi điện cho T nhờ lo giúp. Hiến gọi điện và kể lại cho T việc Bắc là anh nuôi bị Công an huyện bắt xem T có giúp và lo được trắng án (không bị xử lý) không thì T nói dối Hiến là giúp được nhưng phải bảo cả 6 gia đình cùng nộp tiền, mỗi gia đình 40.000.000 đồng, chuyển vào tài khoản của chồng T tên là Nguyễn V, sinh năm 1977 mở tại Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam chi nhánh H, khi T nhận được tiền thì 06 người bị bắt sẽ được thả ngay. Nghe T nói vậy Hiến gọi điện cho anh Thân Văn Tiến là em ruột của Thân Văn Bắc nói lại nội dung trao đổi với T thì Tiến gọi điện thông báo cho anh Lê Văn Nhân là em trai của Lê Văn Thi, ông Trần Văn Hồi là bố đẻ của Trần Văn Ký, ông Nguyễn Văn Phải là bố vợ của Hoàng Viết Luận, anh Lê Văn Tường là em trai của Lê Văn Bích và anh Trần Văn Quý là em rể của Lê Văn Tàn. Sau khi nhận được thông báo thì mọi người đều đồng ý đem tiền đến nhà Hiến để chuyển cho Bùi Thị T. Khoảng 16 giờ ngày 09/01/2020, Tiến, Nhân, Hồi, Phải, Tường, Quý đến nhà Hiến thì Hiến mở máy điện thoại bật lại đoạn ghi âm cuộc điện nói chuyện giữa Hiến và T trong đoạn ghi âm, T nói: Mỗi nhà nộp 40.000.000 đồng, nhận được tiền thì 6 người bị bắt được thả ngay và trắng án. Sau đó 06 người nhà đưa tiền cho Hiến được tổng số 240.000.000 đồng thì Hiến cầm tiền đi cùng ông Trần Văn Hồi đến Phòng Giao dịch Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn huyện Lạng Giang ở xã Tiên Lục chuyển 240.000.000 đồng vào tài khoản của

Nguyên rồi về nhà Hiến đợi. Khoảng 20 giờ ngày 09/01/2020, Lê Văn Tàn được Công an huyện thả về đã đến nhà Hiến nói việc Tàn được thả về không phải là do tiền của anh Quý nộp chuyển cho T thì 06 người nhà bắt Hiến gọi điện nói lại với T. Sau đó Hiến gọi điện cho T thì T nói dối Hiến là đã liên hệ và chuyển tiền cho người có thẩm quyền giải quyết vụ đánh bạc, hẹn ngày 10/01/2020 thì 05 người còn lại sẽ được thả hết để cho Hiến yên tâm. Đến ngày 13/01/2020, do Hiến gọi điện nhiều lần dục T thì T nói với Hiến là không lo được trắng án, số tiền 240.000.000 đồng chỉ chạy được tại ngoại, nếu muốn lo tiếp trắng án thì mỗi nhà phải nộp thêm 20.000.000 đồng. Lúc này biết là T không giải quyết được việc nên Hiến bảo T trả lại tiền thì T không trả mà nói dối Hiến là đã chuyển cho người mà T nhờ nên phải đợi người đó trả lại tiền nhưng thực tế T không chuyển cho ai mà đã chi tiêu cá nhân và sử dụng vào việc làm ăn kinh tế của mình hết. Sau nhiều lần Hiến yêu cầu T trả tiền thì ngày 17/01/2020, T đã sử dụng tài khoản của mình ở Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam chi nhánh T chuyển trả cho Hiến 100.000.000 đồng vào tài khoản của Hiến mở tại Ngân hàng TMCP quân đội chi nhánh Bắc Giang bằng hình thức chuyển khoản, sau đó Hiến rút ra trả cho 06 gia đình, còn 140.000.000 đồng Bùi Thị T chưa trả lại.

Ngày 22/8/2020, Thân Văn Tiến, Lê Văn Nhân, Trần Văn Hồi, Nguyễn Văn Phải, Lê Văn Tường, Trần Văn Quý có đơn trình báo Công an huyện Lạng Giang. (BL: 40)

Ngày 24/8/2020, Nguyễn Đình Hiến giao nộp cho Cơ quan điều tra chiếc điện thoại OPPO F7 vỏ màu đen đã sử dụng liên lạc với T, trong phần nhắn tin zalo và ghi âm cuộc gọi có lưu giữ các đoạn hội thoại với T thể hiện việc Hiến nhờ T lo việc và chuyển tiền. (BL: 43)

Ngày 22/10/2020, Cơ quan điều tra bắt tạm giam Bùi Thị T, T giữ: 01 điện thoại di động VIVO 1920 và 01 điện thoại VIVO 1906. (BL: 18)

Về trách nhiệm dân sự: Quá trình giải quyết vụ án, ngày 05/11/2020, Nguyễn V là chồng bị can T đã trả lại 140.000.000 đồng còn lại cho Thân Văn Tiến, Lê Văn Nhân, Trần Văn Hồi, Nguyễn Văn Phải, Lê Văn Tường, Trần Văn Quý. Các bị hại đã nhận đủ tiền, không yêu cầu bồi thường gì thêm có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho T.

Tại phiên tòa: Bị cáo Bùi Thị T đã thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội của bản thân như cáo trạng truy tố. Bị cáo nhận thức hành vi của mình đã thực hiện là sai, vi phạm pháp luật và hứa cải tạo tốt, không tái phạm.

Những người bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đều không có yêu cầu bồi thường gì thêm và đều có ý kiến xin giảm nhẹ hình phạt tù cho bị cáo.

Bản cáo trạng số 11/KSĐT ngày 01 tháng 02 năm 2021 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Lạng Giang đã truy tố bị cáo Bùi Thị T về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" theo điểm a khoản 3 Điều 174 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố, đề nghị HĐXX tuyên bố bị cáo Bùi Thị T phạm tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản".

Áp dụng điểm a khoản 3 và khoản 5 Điều 174; điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 54; Điều 65 Bộ luật hình sự đề nghị:

- Xử phạt bị cáo Bùi Thị T 03 năm tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 05 năm kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Phạt bổ sung bị cáo từ 10.000.000đ đến 20.000.000đ để sung quỹ nhà nước.

Về xử lý vật chứng: áp dụng điều 47, Điều 48 BLHS; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự:

- Tịch T sung quỹ nhà nước: 01 điện thoại di động nhãn hiệu VIVO 1906 của Bùi Thị T.

- Trả lại cho Bùi Thị T 01 điện thoại di động nhãn hiệu VIVO 1920. Nhưng tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

- Trả lại cho anh Hiến 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO F7.

Ngoài ra còn đề nghị xem xét về án phí, quyền kháng cáo của bị cáo và những người tham gia tố tụng khác theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

*Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Tòa án nhận định như sau:*

[1]. Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Lạng Giang, Viện kiểm sát nhân dân huyện Lạng Giang, điều tra viên, kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng các quy định về thẩm quyền, trình tự tự thủ tục tố tụng theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Các hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, của người tiến hành tố tụng đã thực hiện trong quá trình giải quyết vụ án là hợp pháp.

[2]. Về hành vi phạm tội của bị cáo: Lời khai của bị cáo Bùi Thị T tại phiên tòa đã thừa nhận bị cáo thực hiện hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản, cụ thể: Bản thân Bùi Thị T là người kinh doanh tự do, không có thẩm quyền trong việc giải quyết các vụ án hình sự. Nhưng bằng thủ đoạn gian dối thông qua Nguyễn Đình Hiến đưa ra thông tin không đúng sự thật là mình có nhiều mối quan hệ sẽ giúp được trắng án (không bị xử lý hình sự) cho 06 trường hợp có hành vi đánh bạc đã bị bắt tối ngày 08/01/2020 tại xã Tiên Lục, huyện Lạng Giang để lừa đảo chiếm đoạt số tiền 240.000.000 đồng của Thân Văn Tiến, Lê Văn Nhân, Trần Văn Hồi, Nguyễn Văn Phải, Lê Văn Tường, Trần Văn Quý - là những người thân của 06 trường hợp có hành vi đánh bạc đã bị bắt ngày 08/01/2020.

Lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa hoàn toàn phù hợp với tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án. Phù hợp với lời khai tại cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của người bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa. Lời khai của bị cáo cũng hoàn toàn phù hợp với thời gian và địa điểm xảy ra tội phạm. Bị cáo là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, bằng thủ đoạn gian dối bị cáo đã chiếm đoạt tài sản là số tiền 240.000.000 đồng của Thân Văn Tiến, Lê Văn Nhân, Trần Văn Hồi, Nguyễn Văn Phải, Lê Văn Tường, Trần Văn Quý. Hành vi của bị cáo đã đủ cơ sở cấu thành tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo điểm a khoản 3 Điều 174 Bộ luật hình sự, Viện kiểm sát nhân dân huyện Lạng Giang đã truy tố các bị cáo theo tội danh, điều luật trên là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3]. Nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Bị cáo Bùi Thị T có nhân thân tốt; không có tiền án, tiền sự.

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo đã khai báo thành khẩn, ăn năn hối cải. Sau khi phạm tội bị cáo đã tự nguyện khắc phục hậu quả, đồng thời tác động chồng là Nguyễn V hoàn trả lại số tiền đã chiếm đoạt cho những người bị hại. Bị cáo có bố đẻ là ông B được Nhà nước tặng Huân chương Chiến sĩ vẻ vang hạng Nhất, Nhì, Ba; Huy chương kháng chiến và Bằng khen của Bộ tư lệnh quân khu 1; có mẹ đẻ là bà BT được tặng thưởng Huy chương vì sự nghiệp giáo dục; những người bị hại đều có đơn xin giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo. Vì vậy, bị cáo được áp dụng các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[4] Xét tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo thì thấy: Bị cáo là người có đầy đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, có đủ khả năng nhận thức và làm chủ hành vi của mình, thực hiện tội phạm với lỗi cố ý. Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản của công dân được pháp luật nhà nước ta bảo vệ, làm mất trật tự an ninh, xã hội tại địa phương, do đó cần xử lý nghiêm, áp dụng mức hình phạt tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo đã thực hiện. Tuy nhiên, bị cáo Bùi Thị T thực hiện hành vi phạm tội mang tính chất bộc phát, không chuẩn bị từ trước. Bị cáo T là người có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự, có nhiều tình tiết giảm nhẹ, có nơi cư trú rõ ràng, nên Hội đồng xét xử áp dụng Điều 54, Điều 65 Bộ luật hình sự để xử phạt dưới mức thấp nhất của khung hình phạt và cho bị cáo được hưởng án treo cũng đủ điều kiện giáo dục bị cáo trở thành người có ích cho xã hội và để thể hiện tính nhân đạo của pháp luật của nhà nước xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

[5]. Về hình phạt bổ sung: Bị cáo phạm tội vì mục đích tư lợi, nên cần áp dụng hình phạt bổ sung bằng tiền theo khoản 5 điều 174 của Bộ luật hình sự.

[6]. Trách nhiệm dân sự: Những người bị hại đều đã nhận lại tài sản bị chiếm đoạt và không yêu cầu bị cáo phải bồi thường gì thêm nên không đặt ra xem xét giải quyết.

[7]. Đối với Nguyễn Đình Hiến: Quá trình điều tra đã làm rõ Hiến không biết T lừa đảo chiếm đoạt tài sản. Bản thân Hiến không có ý thức chiếm đoạt tiền của 06 gia đình có người thân bị bắt đánh bạc nên không đồng phạm với T. Vì vậy, Cơ quan điều tra không xử lý là có căn cứ.

Đối với Nguyễn V là chồng bị cáo Bùi Thị T, không được T bàn việc lừa đảo chiếm đoạt tiền nêu trên nên Cơ quan điều tra không xử lý là phù hợp.

[8]. Về xử lý vật chứng:

Đối với 01 điện thoại di động nhãn hiệu VIVO 1920 của Bùi Thị T là tài sản mà bị cáo đã sử dụng liên lạc với Hiến để thực hiện hành vi phạm tội nên cần tịch T sung quỹ nhà nước. Đối với 01 điện thoại di động nhãn hiệu VIVO 1906 của Bùi Thị T không liên quan đến việc phạm tội nên cần trả lại. Nhưng tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

Đối với 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO F7 của Nguyễn Đình Hiến không liên quan đến việc phạm tội nên cần trả lại cho anh Hiến.

Đối với các vật chứng khác được T giữ trong quá trình điều tra đã được Cơ quan điều tra xử lý nên không đặt ra xem xét.

[9]. Về án phí: Bị cáo Bùi Thị T phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[10]. Về quyền kháng cáo: Bị cáo, người bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ điểm a khoản 3 và khoản 5 Điều 174; điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 47; Điều 48; Điều 54; Điều 65 Bộ luật hình sự 2015 đã được sửa đổi bổ sung; Các Điều 106, 135, 136, 331, 332, 333, 336, 337 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015; Căn cứ Điều 3; Điều 21; Điều 23 Nghị quyết 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

[1]. Tuyên bố bị cáo Bùi Thị T phạm tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản".

Xử phạt bị cáo Bùi Thị T 03 (ba) năm tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 05 (năm) năm kể từ ngày tuyên án sơ thẩm 05/3/2021. Phạt bổ sung bị cáo số tiền 10.000.000đ để xung công quỹ nhà nước.

Giao bị cáo Bùi Thị T cho UBND phường P, quận T, thành phố H giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố tình vi phạm nghĩa vụ từ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 của Luật thi hành án hình sự.

[2]. Về vật chứng:

- Tịch T sung quỹ nhà nước: 01 điện thoại di động nhãn hiệu VIVO 1906 của Bùi Thị T.

- Trả lại cho Bùi Thị T 01 điện thoại di động nhãn hiệu VIVO 1920. Nhưng tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

- Trả lại cho anh Nguyễn Văn Hiến 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO F7.

(Đặc điểm vật chứng của vụ án theo như biên bản giao nhận vật chứng giữa Cơ quan điều tra và Chi cục thi hành án dân sự huyện Lạng Giang).

[3]. Về án phí: Bị cáo Bùi Thị T phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

[4]. Về quyền kháng cáo: Bị cáo; người bị hại; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa Tận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử công khai sơ thẩm./.

***Nơi nhận:***

- VKSND huyện Lạng Giang;
- TAND Tỉnh Bắc Giang;
- THADS huyện Lạng Giang;
- Bị cáo; người bị hại; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**  
**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

**Nguyễn Văn Sang**